

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN
CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ
Mã hồ sơ:



Đối tượng đăng ký: Giảng viên ; ☐ Giảng viên thỉnh giảng ☒
Ngành: Nội khoa; Chuyên ngành: Truyền nhiễm và các bệnh nhiệt đới

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: **LÊ QUỐC HÙNG**
2. Ngày tháng năm sinh: 10/12/1964; Nam ☒ ; Nữ ; ☐
Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không
3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam: ☒
4. Quê quán: xã Phú Hưng, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định
5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 449/84 đường Sư Vạn Hạnh, phường 12, quận 10, TP. Hồ Chí Minh
6. Địa chỉ liên hệ: 449/84 đường Sư Vạn Hạnh, phường Hòa Hưng, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại di động: 0918030343; Email: hung64vien@gmail.com
7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):
Từ năm 10/1990 đến năm 06/2003: BS điều trị (hợp đồng công nhật) khoa Nghiên cứu lâm sàng bệnh sốt rét – BV Chợ Rẫy
Từ năm 07/2003 đến năm 08/2003: BS điều trị, Khoa Nội Tổng quát, BV Chợ Rẫy
Từ năm 08/2003 đến năm 06/2007: BS điều trị, Khoa Bệnh Nhiệt đới, BV Chợ Rẫy
Từ năm 07/2007 đến năm 06/2016: BS phó khoa, khoa Bệnh Nhiệt Đới – BV Chợ Rẫy
Từ năm 07/2016 đến nay: BS Trưởng khoa, khoa Bệnh Nhiệt Đới – BV Chợ Rẫy
Từ năm 04/2021 đến nay: Kiêm Trưởng đơn vị Hồi sức chống độc, BV Chợ Rẫy
Từ năm 10/2021 đến nay: Kiêm nhiệm Phó chủ nhiệm bộ môn Lao - Nhiễm, khoa Y, Trường Đại học Nguyễn Tất Thành
Chức vụ hiện nay: Trưởng khoa, Khoa Bệnh Nhiệt Đới, BV Chợ Rẫy; Trưởng Đơn vị Hồi sức chống độc, BV Chợ Rẫy; Kiêm nhiệm Phó trưởng bộ môn Lao - Nhiễm, khoa Y, Trường Đại học Nguyễn Tất Thành
Chức vụ cao nhất đã qua: Trưởng khoa
Cơ quan công tác hiện nay: Bệnh Viện Chợ Rẫy
Địa chỉ cơ quan: 201B Nguyễn Chí Thanh, phường 12, quận 5, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại cơ quan: 028 38554137

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học: Khoa Y - Trường Đại học Nguyễn Tất Thành; Khoa Y - Đại học Y Dược TP. HCM

8. Đã nghỉ hưu: Chưa

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ): Khoa Y - Trường Đại học Nguyễn Tất Thành; Khoa Y - Đại học Y Dược TP. HCM

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH ngày 06 tháng 05 năm 1991; số văn bằng: 72417; ngành: Y; chuyên ngành: Đa khoa hệ Nội; Nơi cấp bằng ĐH: Đại học Y Dược TP.HCM, Việt Nam.

- Được cấp bằng Diploma in Tropical Medicine and Hygiene, ngày 23 tháng 09 năm 1999; ngành: Y khoa ; chuyên ngành: Truyền Nhiễm ; Nơi cấp bằng: Mahidol University, Thái Lan.

- Được cấp bằng TS ngày 20 tháng 09 năm 2004; số văn bằng: 13039; ngành: Y khoa; chuyên ngành: Nội khoa; Nơi cấp bằng TS: Academic Medical Center (AMC), Hà Lan. Tên luận án Tiến sĩ: “Health problems in the forested mountains of southern Viet Nam. Surveillance and interventions”. Quyết định công nhận bằng Tiến sĩ của Cục Quản lý chất lượng số: 01440/2023/TS, cấp ngày 26/04/2023 tại Hà Nội.

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS: chưa được bổ nhiệm chức danh PGS

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh: Phó Giáo sư; tại HĐGS cơ sở: Trường Đại học Nguyễn Tất Thành.

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh: Phó Giáo sư; tại HĐGS ngành, liên ngành: Y học.

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

Hướng nghiên cứu thứ 1: Nghiên cứu lâm sàng định hướng can thiệp trong chẩn đoán, điều trị và kiểm soát các bệnh truyền nhiễm phức tạp và có nguy cơ lan rộng

Hướng nghiên cứu này tập trung vào việc ứng dụng lâm sàng để giải quyết ba nhóm vấn đề trọng yếu: (1) phát hiện và can thiệp sớm nhằm kiểm soát các bệnh truyền nhiễm có nguy cơ bùng phát, (2) hỗ trợ chẩn đoán và xử trí các ca bệnh phức tạp, không điển hình hoặc đa kháng thuốc, và (3) đánh giá thực chứng hiệu quả điều trị nhằm điều chỉnh phác đồ phù hợp với thực tiễn bệnh viện tuyến cuối.

Hướng nghiên cứu thứ 2: Nghiên cứu đặc điểm lâm sàng, diễn tiến và xử trí các ca ngộ độc cấp phức tạp, mới nổi tại đơn vị hồi sức chống độc.

Hướng nghiên cứu này tập trung vào ứng dụng lâm sàng để giải quyết ba nhóm vấn đề trọng yếu: (1) phân tích đặc điểm và độc lực học của các ca ngộ độc cấp mới nổi, hiếm gặp hoặc có độc tính cao; (2) theo dõi diễn tiến và nhận diện sớm các biến chứng nguy hiểm nhằm hỗ trợ phân tầng nguy cơ và chỉ định can thiệp phù hợp; (3) đánh giá thực chứng hiệu quả xử trí và đề xuất cải tiến quy trình điều trị tại đơn vị hồi sức – chống độc.

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn: 05 học viên (gồm 01 HVCH, 03 BSCK2, 01BSNT) bảo vệ thành công luận văn ThS/BSCK2/BSNT.

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

- Đã hoàn thành đề tài NCKH: 12 đề tài cấp cơ sở.
- Đã công bố 55 bài báo khoa học, trong đó 36 bài báo khoa học trên tạp chí quốc tế có uy tín;
- Đã được cấp: 01 bằng độc quyền sáng chế kiểu dáng công nghiệp (số 29869) của “Hộp đựng thuốc cấp cứu”, do Cục Sở Hữu Trí Tuệ - Bộ Khoa Học và Công Nghệ cấp ngày 06/12/2019.
- Số lượng sách đã xuất bản 03, trong đó 03 thuộc nhà xuất bản có uy tín gồm: 01 sách hướng dẫn được sử dụng tại bệnh viện; 01 sách được đưa vào sử dụng phục vụ công tác giảng dạy tại trường ĐH Nguyễn Tất Thành; 01 sách chuyên khảo được đưa vào phục vụ giảng dạy tại trường ĐH Y Dược Cần Thơ

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

Thầy thuốc Nhân dân

Thầy thuốc Ưu tú

Bằng khen Thủ Tướng Chính phủ (02 lần)

Bằng khen Bộ Trưởng Bộ Y tế (08 lần)

Bằng khen Chủ Tịch UBNDTP Hồ Chí Minh (02 lần)

Chiến sỹ thi đua cấp bộ (03 lần)

Chiến sỹ thi đua cấp cơ sở (18 lần)

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định): Không

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

Có phẩm chất, tư tưởng, đạo đức tốt.

Đáp ứng đầy đủ chuẩn nghề nghiệp theo vị trí việc làm.

Có kỹ năng cập nhật, nâng cao năng lực chuyên môn.

Có kỹ năng tổ chức, quản lý, hướng dẫn thực hiện nghiên cứu khoa học.

Có đủ sức khỏe để hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số năm thực hiện nhiệm vụ đào tạo: 12 năm

- Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ:

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn	Số đồ án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp/số giờ chuẩn gd quy đổi/số giờ chuẩn định mức
		Chính	Phụ			ĐH	SDH	
1	2018-2019			01 BSNT			520,5	520,5/520,5/135
2	2020-2021						178	178/178/135*
3	2021-2022			01 BSCKII			113	113/163/135

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn	Số đồ án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp/số giờ chuẩn gd quy đổi/số giờ chuẩn định mức
		Chính	Phụ			ĐH	SĐH	
03 năm học cuối								
4	2022-2023			01 BSCKII		26	208	234/234/137,5*
5	2023-2024			01 BSCKII		133	295	428/428/137,5*
6	2024-2025					212	250	462/462/137,5**

(*) Không tính giờ hướng dẫn học viên CKII

(**) Giờ chuẩn dựa trên quy định của Trường Đại học Y Dược TP. Hồ Chí Minh

3. Ngoại ngữ:

3.1. Tên ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Anh văn

a) Được đào tạo ở nước ngoài: ☒

- Học ĐH ☐ ; Tại nước: Hà Lan; Từ năm 2000 đến năm 2004

- Bảo vệ luận văn ThS ☐ hoặc luận án TS ☒ hoặc TSKH ; ☐ tại: Hà Lan, năm 2004

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước: ☒

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: Đại học Tổng hợp TP.HCM số bằng: B194528; năm cấp: 1996

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài: ☐

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ:

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước):

d) Đối tượng khác ; ☐ Diễn giải:

3.2. Tiếng Anh: Chứng chỉ Anh văn trình độ B

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH/CK2/BSNT	Chính	Phụ			
1	Võ Thanh Thanh		HVCH	X		09/2016-12/2017	Đại học Y Dược TP. Hồ Chí Minh	5526/QĐ-ĐHYD, ngày 18/12/2017
2	Trương Như Hảo		BSNT	X		07/2017-12/2018	Đại học Y Dược TP. Hồ Chí Minh	021/2018/BSNT ĐHYD, ngày 19/12/2018
3	Trương Ngọc Trung		CKII	X		07/2019-12/2020	Đại học Y Dược TP. Hồ Chí Minh	036/2020/CKII/ĐHYD, ngày 31/12/2020

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/ BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH/ CK2/ BSNT	Chính	Phụ			
4	Hồ Thanh Phong		CKII	X		12/2021- 01/2023	Đại học Y Dược TP. Hồ Chí Minh	038/2022/CKII ĐHYD, ngày 11/01/2023
5	Nguyễn Ngọc Sang		CKII	X		04/2023- 05/2024	Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch	650/K10/CKII/01/ 23, ngày 15/05/2024

Ghi chú: Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên:

TT	Tên sách	Loại sách	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phản biên soạn	Xác nhận của cơ sở GDDH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
I	Trước khi được công nhận TS						
II	Sau khi được công nhận TS						
1	Hướng dẫn sử dụng kháng sinh	TK	NXB Y học, 2020 ISBN : 978- 604-66-4641- 9	46	X	Từ trang 25-38; Từ trang 50-145	Được sử dụng trong thực hành tại BV Chợ Rẫy (điều trị và đào tạo)
2	Mạng lưới quản lý trong tuyển chọn và điều phối thận hiến từ người hiến tạng sống, chết não hay ngừng tuần hoàn	CK	NXB Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh, 2022 ISBN: 978- 604-73- 9137-0	31		Từ trang 323-372	1550/QĐ-ĐHYDCT ngày 17/04/2023, Trường ĐH Y Dược Cần Thơ
3	Hướng dẫn sử dụng kháng sinh	TK	NXB Y học, 2024 ISBN: 978- 604-66-6778- 0	54	X	Từ trang 21-28; Từ trang 38-133	2863/QĐ-NTT, ngày 25/11/2024, Trường ĐH Nguyễn Tất Thành

Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản, mà ứng viên là chủ biên sau PGS/TS: 02 sách hướng dẫn [1, 3]; 01 sách chuyên khảo [2]

Lưu ý:

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có)).

- Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phần ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang.... đến trang..... (ví dụ: 17-56; 145-329).

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu:

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN /TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu/Xếp loại KQ
I	Trước khi được công nhận TS				
II	Sau khi được công nhận TS				
1	Đánh giá hiệu quả bằng thông tin và tóm tắt quy trình chuyên môn bệnh viêm màng não cho bệnh nhân/thân nhân bệnh nhân điều trị nội trú tại khoa Bệnh Nhiệt Đới bệnh viện Chợ Rẫy	CN	Cấp cơ sở 1108/QĐ-BVCR, ngày 21/02/2017	2/2017- 3/2018	03/10/2018 Xếp loại: Xuất sắc
2	Thử nghiệm ngẫu nhiên về việc phối hợp Tamoxifen, Amphotericin B và Fluconazole trong điều trị viêm màng não nấm do <i>Cryptococcus</i> – MSNC: 28CN	CN	Bộ Y tế QĐ phê duyệt đề cương thử nghiệm lâm sàng số 3110/QĐ-BYT ngày 04/07/2017	06/2017- 06/2019	Báo cáo bảo vệ kết thúc nghiên cứu TNLS 28/08/2019 Kết quả: đạt
3	Khảo sát tình hình nhiễm khuẩn bệnh viện do vi khuẩn <i>Acinetobacter baumannii</i> tại bệnh viện Chợ Rẫy năm 2016	CN	Cấp cơ sở 1991/QĐ-BVCR, ngày 14/04/2021	4/2021- 12/2021	21/09/2021 Xếp loại: Khá
4	Nghiên cứu sử dụng thuốc corticoid liều thấp và kháng đông ức chế yếu tố Xa đường uống ở bệnh nhân nhiễm COVID-19 mức độ nhẹ	CN	Cấp cơ sở 3446/QĐ-BVCR, ngày 14/07/2021	07/2021- 12/2021	21/09/2021 Xếp loại: Khá
5	Nghiên cứu hồi cứu về bệnh lý nhiễm độc tại bệnh viện Chợ Rẫy thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	CN	Cấp cơ sở 6085/QĐ-BVCR, ngày 30/10/2023	10/2022- 12/2023	22/04/2024 Xếp loại: Khá

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố:

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng năm công bố
I	Trước khi được công nhận TS							
1	Control of malaria: A successful experience from Viet Nam	10	X	Bulletin of the World Health Organization /ISSN: 0042-9686	SCIE (IF ₂₀₀₂ = 2.6, Q1)	117	80(8), pp.660–666	2002
2	Artemisinin or chloroquine for blood stage Plasmodium vivax malaria in Vietnam.	8		Tropical Medicine & International Health /ISSN:1360-2276	SCIE (IF ₂₀₀₂ = 1.7, Q2)	63	7(10), pp.858-864	2002
3	Atovaquone-proguanil for recrudescence Plasmodium falciparum in Vietnam	6		Annals of Tropical Medicine and Parasitology /ISSN:0003-4983	SCIE (IF ₂₀₀₃ = 0.9)	15	97 (6), pp.575-580	2003
4	CV8, a new combination of dihydroartemisinin, piperaquine, trimethoprim and primaquine, compared with atovaquone–proguanil against falciparum malaria in Vietnam	6		Tropical Medicine and International Health /ISSN:1360-2276	SCIE (IF ₂₀₀₄ = 1.9, Q2)	53	9 (2), pp.209-216	2004
5	Artesunate with mefloquine at various intervals for non-severe Plasmodium falciparum malaria	7	X	American Journal of Tropical Medicine and Hygiene /ISSN: 0002-9637	SCIE (IF ₂₀₀₄ = 2.0, Q1)	14	71 (2), pp.160-166	2004
II	Sau khi được công nhận TS							
6	Intestinal helminth infection in an ethnic minority commune in southern Vietnam	6	X	Southeast Asian Journal of Tropical Medicine and Public Health /ISSN: 0125-1562	SCIE (IF ₂₀₀₅ = 0.1, Q3)	17	36 (3), pp.623	2005
7	Anemia, malaria and hookworm infections in a Vietnamese ethnic minority	6	X	Southeast Asian Journal of Tropical Medicine and Public Health /ISSN: 0125-1562	SCIE (IF ₂₀₀₅ = 0.1, Q3)	41	36 (4), pp.816	2005

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng năm công bố
8	Seroprevalence of dengue antibodies, annual incidence and risk factors among children in southern Vietnam	10		Tropical Medicine and International Health /ISSN:1360-2276	SCIE (IF ₂₀₀₅ = 2.3, Q2)	135	10 (4), pp.379-386	2005
9	Nutritional status following malaria control in a Vietnamese ethnic minority commune	7	X	European Journal of Clinical Nutrition /ISSN: 0954-3007	SCIE (IF ₂₀₀₅ = 2.5, Q2)	15	59 (8), pp.891-899	2005
10	Enzyme-linked immunoassay for dengue virus IgM and IgG antibodies in serum and filter paper blood	10		BMC Infectious Diseases /ISSN: 1471-2334	SCIE (IF ₂₀₀₆ = 1.8, Q3)	65	6 (1)	2006
11	Seroepidemiology of leptospirosis in southern Vietnamese children	9		Tropical Medicine and International Health /ISSN:1360-2276	SCIE (IF ₂₀₀₆ = 2.5, Q1)	50	11 (5), pp.738-745	2006
12	Acute undifferentiated fever in Binh Thuan province, Vietnam: Imprecise clinical diagnosis and irrational pharmaco-therapy	9		Tropical Medicine and International Health /ISSN:1360-2276	SCIE (IF ₂₀₀₆ = 2.5, Q1)	65	11 (6), pp.869-879	2006
13	Dengue as a cause of acute undifferentiated fever in Vietnam	9		BMC Infectious Diseases /ISSN: 1471-2334	SCIE (IF ₂₀₀₆ = 1.8, Q3)	145	6 (1)	2006
14	Dengue virus infections in Viet Nam: Tip of the iceberg	10		Dengue Bulletin /ISSN: 1020-895X	Scopus	14	30, pp.15	2006
15	Evaluation of two rapid immunochromatographic assays for diagnosis of dengue among Vietnamese febrile patients	8		Clinical and Vaccine Immunology /ISSN: 1556-6811	SCIE (IF ₂₀₀₇ = 1.9, Q3)	35	14 (6), pp.799-801	2007
16	Incidence of primary dengue virus infections in Southern Vietnamese children and reactivity against other flaviviruses	9		Tropical Medicine and International Health /ISSN:1360-2276	SCIE (IF ₂₀₀₇ = 2.4, Q1)	25	12 (12), pp.1553-1557	2007
17	Seroepidemiology and serological follow-up of anti-leptospiral IgG in children in Southern Vietnam	8		Acta Tropica /ISSN: 0001-706X	SCIE (IF ₂₀₀₈ = 1.7, Q2)	23	106 (2), pp.128-131	2008

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng năm công bố
18	Regional clustering of anthropometric dimensions of primary school children in rural and suburban Vietnam	7		Asia Pacific Journal of Clinical Nutrition /ISSN:0964-7058	SCIE (IF ₂₀₀₈ = 1.7, Q4)	17	17 (4), pp.603-607	2008
19	Detection of dengue nonstructural 1 (NS1) protein in Vietnamese patients with fever	9		Diagnostic Microbiology and Infectious Disease /ISSN: 0732-8893	SCIE (IF ₂₀₀₉ = 2.4, Q3)	46	63 (4), pp.372-378	2009
20	Clinical, epidemiological and virological features of dengue virus infections in vietnamese patients presenting to primary care facilities with acute undifferentiated fever	12		Journal of Infection /ISSN: 0163-4453	SCIE (IF ₂₀₁₀ = 3.8, Q1)	72	60(3), pp.229-237	2010
21	Geographical heterogeneity of dengue transmission in two villages in southern Vietnam	8		Epidemiology and Infection /ISSN: 0950-2688	SCIE (IF ₂₀₁₀ = 2.5, Q3)	47	138 (4), pp.585-591	2010
22	Viral respiratory tract infections among patients with acute undifferentiated fever in Vietnam	10		Southeast Asian Journal of Tropical Medicine and Public Health /ISSN: 01251562	SCIE (IF ₂₀₁₀ = 0.6, Q4)	9	41(5), pp.1116–1126	2010
23	Randomised primary health center based interventions to improve the diagnosis and treatment of undifferentiated fever and dengue in Vietnam	8		BMC Health Services Research /ISSN: 1472-6963	SCIE (IF ₂₀₁₀ = 1.7, Q2)	20	10 (1), 275	2010
24	Age-specificity of clinical dengue during primary and secondary infections	9		PLoS Neglected Tropical Diseases /ISSN 1935-2727	SCIE (IF ₂₀₁₀ = 4.7, Q1)	108	5 (6)	2011
25	Nhiễm khuẩn bệnh viện do <i>Acinetobacter baumannii</i> tại khoa Bệnh Nhiệt Đới – Bệnh viện Chợ Rẫy năm 2012	3		Tạp chí Y học Thành phố Hồ Chí Minh /ISSN 1859-1779			18 (2), pp.66	2014
26	Viêm màng não – não thất do <i>Acinetobacter baumannii</i> đa kháng thuốc: một trường hợp điều trị thành công	2	X	Tạp chí Y học Thành phố Hồ Chí Minh /ISSN 1859-1779			18 (2), pp.75	2014

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng năm công bố
27	Đánh giá trình hình viêm phổi bệnh viện có liên quan tới thở máy tại khoa Bệnh Nhiệt Đới, Bệnh viện Chợ Rẫy (8/2011 – 7/2012)	5		Tạp chí Truyền Nhiễm Việt Nam /ISSN: 0866-7829			1 (13), pp.53-57	2016
28	Đặc điểm các sự cố y khoa được báo cáo năm 2015 tại bệnh viện Chợ Rẫy.	8		Tạp chí Điều Dưỡng Việt Nam /ISSN: 2354-0737			16; pp.74-78.	2016
29	Điều trị bổ sung dexamethasone trên bệnh nhân nhiễm HIV bị viêm màng não do nấm <i>Cryptococcus</i>	8	X	Tạp chí Truyền Nhiễm Việt Nam /ISSN: 0866-7829			3 (19), pp.67-73	2018
30	Giá trị chẩn đoán nhiễm khuẩn huyết của Procalcitonin trên bệnh nhân suy thận mạn,	5		Tạp chí Y học Thành phố Hồ Chí Minh /ISSN 1859-1779			22(2):195	2018
31	Nghiên cứu hồi cứu khảo sát tình hình nhiễm khuẩn do <i>Acinetobacter baumannii</i> tại bệnh viện Chợ Rẫy năm 2016	2	X	Tạp chí Y học Thành phố Hồ Chí Minh /ISSN 1859-1779			Phụ bản tập 23 (6), pp.189-195	2019
32	Do intracerebral cytokine responses explain the harmful effects of dexamethasone in human immunodeficiency virus-associated cryptococcal meningitis?	11		Clinical Infectious Diseases /ISSN: 1058-4838	SCIE (IF ₂₀₁₉ = 8.3, Q1)	21	68 (9), pp.1494-1501	2019
33	Three phylogenetic groups have driven the recent population expansion of <i>Cryptococcus neoformans</i>	24		Nature Communications /ISSN: 2041-1723	SCIE (IF ₂₀₁₉ = 12.1, Q1)	60	10 (1)	2019
34	Giá trị của tỷ số giữa Neutrophil và Lymphocyte ở máu ngoại biên trong tiên lượng tử vong ở bệnh nhân nhiễm khuẩn huyết	2		Tạp chí Y học Thành phố Hồ Chí Minh /ISSN 1859-1779			23 (2), pp.80-84	2019
35	Nhân một trường hợp phản vệ mức độ nặng do dị ứng thức ăn trên bệnh nhân có thai	3	X	Tạp chí Y học Thành phố Hồ Chí Minh /ISSN 1859-1779			Phụ bản tập 23 (6), pp.140-143	2019

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng năm công bố
36	Clinical Factors Affecting Mortality in Patients with Traumatic Shock Caused by Road Traffic Accidents Admitted to the Emergency Department: A Prospective Cohort Study.	6		Emergency Medicine and Trauma Care Journal /ISSN: 2652-4422	SCIE (IF ₂₀₁₉ = 1.25, Q3)	4	Volume 2019; Issue 01	2019
37	Importation and human-to-human transmission of a novel coronavirus in Vietnam	9		New England Journal of Medicine /ISSN: 0028-4793	SCIE (IF ₂₀₂₀ = 91.2, Q1)	713	382 (9), pp.872	2020
38	Risk factors for cutaneous reactions to allopurinol in Kinh Vietnamese: Results from a case-control study	13		Arthritis Research and Therapy /ISSN: 1478-6362	SCIE (IF ₂₀₂₀ = 5.1, Q1)	30	22 (1), pp.182	2020
39	Clinical features, isolation, and complete genome sequence of severe acute respiratory syndrome coronavirus 2 from the first two patients in Vietnam	21		Journal of Medical Virology /ISSN:0146-6615	SCIE (IF ₂₀₂₀ = 2.3, Q3)	8	92 (10), pp.2209-2215	2020
40	Envenoming by king cobras (<i>Ophiophagus hannah</i>) in Vietnam with cardiac complications and necrotizing fasciitis	12	X	Toxicon /ISSN: 0041-0101	SCIE (IF ₂₀₂₁ = 3.0, Q3)	7	200, pp.127	2021
41	Nhân một trường hợp ngộ độc Methotrexate trên bệnh nhân vảy nến	4	X	Tạp chí Y học Thành phố Hồ Chí Minh /ISSN 1859-1779			25 (3), pp.14-18	2021
42	Các yếu tố tiên lượng tử vong ở bệnh nhân nhiễm khuẩn huyết có tổn thương thận cấp	3		Tạp chí Truyền Nhiễm Việt Nam /ISSN: 0866-7829			2 (34), pp.16-20	2021
43	Suspected botulism outbreak after the consumption of vegetarian pâté in the south of Viet Nam	9	X	Wellcome Open Research /ISSN: 2398-502X	SJR 2024: 0.693, Q2	4	5 (257)	2021
44	An open label randomized controlled trial of tamoxifen combined with amphotericin B	23		ELife /ISSN: 2050-084X	SCIE (IF ₂₀₂₁ = 8.7, Q1)	29	10, e68929.	2021

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng năm công bố
	and Fluconazole for <i>cryptococcal</i> meningitis							
45	Điều trị sớm bằng Corticosteroid liều thấp phối hợp với anti-Xa đường uống ở bệnh nhân người lớn mức độ nhẹ có làm giảm tỷ lệ chuyển độ nặng của bệnh nhân COVID-19	6		Tạp chí Y học Thành phố Hồ Chí Minh /ISSN 1859-1779			26 (2), pp.185-196.	2022
46	Shared and unique antibody and B cell profiles in HIV-positive and HIV-negative individuals with cryptococcal meningoencephalitis	8		Medical Mycology /ISSN: 1369-3786	SCIE (IF ₂₀₂₃ = 2.7, Q3)	1	61 (10)	2023
47	Long-term follow-up after acute mercury poisoning-induced pneumonitis following cinnabar heating: A rare case report	8		Medicine /ISSN: 1357-3039	SCIE (IF ₂₀₂₄ = 1.4, Q2)	2	103 (50), e41013	2024
48	Các yếu tố nguy cơ của thất bại điều trị với Tocilizumab sau 48 giờ ở bệnh nhân COVID-19 mức độ trung bình-nặng	3	X	Tạp chí Y học Việt Nam /ISSN: 1859-1868			545 (3)	2024
49	Chi phí điều trị cho bệnh nhân COVID-19 tại bệnh viện Chợ Rẫy, TP. Hồ Chí Minh: Khảo sát hồi cứu	5	X	Tạp chí Y học Việt Nam /ISSN: 1859-1868			544 (3)	2024
50	Đặc điểm bệnh lý ngộ độc cấp ở bệnh nhân người lớn tại miền Nam Việt Nam: Nghiên cứu hồi cứu 10 năm (2010-2019)	7	X	Tạp chí Y học Việt Nam /ISSN: 1859-1868			544 (7)	2024
51	Viêm màng não mủ sau phẫu thuật thần kinh: Mô hình vi sinh thay đổi và mối liên quan với tử vong	02	X	Tạp chí Y học Thành phố Hồ Chí Minh /ISSN: 1859-1779			28 (6): pp.127-133	2025
52	Bệnh nhân Melioidosis thể nhiễm khuẩn huyết ở một bệnh viện tuyến cuối miền Nam Việt Nam: Đặc điểm lâm sàng và điều trị	02	X	Tạp chí Truyền Nhiễm Việt Nam /ISSN: 0866-7829			02(50): pp.131-136	2025

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng năm công bố
53	Biến đổi mô hình vi khuẩn gây viêm màng não mủ cộng đồng trong bối cảnh hậu COVID-19 tại Việt Nam	02	X	Tạp chí Truyền Nhiễm Việt Nam /ISSN: 0866-7829			02 (50): pp.125-130	2025
54	Ngộ độc cấp Glufosinate ammonium tại một bệnh viện tuyến cuối ở Việt Nam: Đặc điểm lâm sàng và các yếu tố dự đoán biến chứng nặng	02	X	Tạp chí Y học Thành phố Hồ Chí Minh /ISSN: 1859-1779			28 (7): pp. 1-8.	2025
55	Viêm não cấp do sởi khởi phát trước phát ban ở người lớn hậu COVID-19: Một thách thức chẩn đoán.	01	X	Tạp chí Y học Việt Nam /ISSN: 1859-1868			551 (3): pp.336-341	2025

– Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế có uy tín mà UV là tác giả chính sau TS: **05 bài, gồm các bài [6, 7, 9, 39, 42]**

7.1.b. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố (*Dành cho các chuyên ngành thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự được quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg*)

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Thuộc danh mục tạp chí uy tín của ngành	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I	Trước khi được công nhận PGS/TS						
1							
II	Sau khi được công nhận PGS/TS						
1							

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học uy tín của ngành mà UV là tác giả chính sau PGS/TS:

7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/ đồng tác giả	Số tác giả
1	Hộp đựng thuốc cấp cứu	Cục Sở Hữu Trí Tuệ	Số: 46227w/QĐ-SHTT 06/12/2019	Tác giả chính	01

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp, là tác giả chính sau TS: 01

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế (đối với ngành Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao)

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu TDTT	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Giải thưởng cấp Quốc gia/Quốc tế	Số tác giả
1					

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc tế, là tác giả chính/hướng dẫn chính sau PGS/TS:

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN	Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi chú
1	Chương trình đào tạo liên tục “Bệnh lý bệnh nhiệt đới”	Chủ trì	QĐ Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo liên tục: 5970/QĐ-BVCR, ngày 07/10/2019	Hội đồng chuyên môn Bệnh viện Chợ Rẫy	QĐ ban hành chương trình đào tạo liên tục của khoa Bệnh Nhiệt đới số: 6255/QĐ-BVCR ngày 16/10/2019	Áp dụng giảng dạy thực tế trong 6 năm (2020-2025) cho các đối tượng học viên là BSNT, CKI và HVCH học tập.
2	Chương trình đào tạo liên tục “Hồi sức cấp cứu chống độc”	Chủ trì	QĐ Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo liên tục: 5970/QĐ-BVCR, ngày 07/10/2019	Hội đồng chuyên môn Bệnh viện Chợ Rẫy	QĐ ban hành chương trình đào tạo liên tục của khoa Bệnh Nhiệt đới số: 6255/QĐ-BVCR ngày 16/10/2019	Hàng năm tiếp nhận trung bình từ 30 đến 75 học viên.

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng):

b) Hoạt động đào tạo (ứng viên PGS)

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm, còn thiếu:
- Giờ giảng dạy:
- Hướng dẫn chính NCS/HVCH,CK2/BSNT:

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

- + Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng ThS/CK2/BSNT bị thiếu:

c) Nghiên cứu khoa học (ứng viên PGS)

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS) ☐
- + Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu:
- Không đủ số CTKH là tác giả chính sau khi được bổ nhiệm PGS hoặc được cấp bằng TS:
 - + Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH ☐
 - + Đề xuất sách CKUT/chương sách NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định: không đề xuất

Chú ý: Đối với các chuyên ngành bí mật nhà nước thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự, các tiêu chuẩn không đủ về hướng dẫn, đề tài khoa học và công trình khoa học sẽ được bù bằng điểm từ các bài báo khoa học theo quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg.

d) Biên soạn sách phục vụ đào tạo (đối với ứng viên GS)

- Không đủ điểm biên soạn sách phục vụ đào tạo:
- Không đủ điểm biên soạn giáo trình và sách chuyên khảo:

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

TP. HCM, ngày 29 tháng 06 năm 2025

NGƯỜI ĐĂNG KÝ

(Ký và ghi rõ họ tên)



TS. BS. Lê Quốc Hùng